TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2025
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Lập

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Quốc Sơn

Ông Vương Đình Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Tuấn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25/2/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 543/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp Hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/2/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991. Đăng ký HKTT: Tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Cư trú: Số nhà x, ngách y, tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội – *Có mặt*.

Bị đơn: Anh Phùng Ngọc T, sinh năm 1982. Đăng ký HKTT: Tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Cư trú: Số nhà x, ngách y, tổ dân phố số 12 Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội – *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2024 và bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Phùng Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 21/4/2015 tại UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Ngoài ra, anh T còn có hành vi đánh, cầm dao doạ chị L, các con chị đều chứng kiến được việc này và gây ám ảnh tâm lý cho các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Trần

Thị L xin được ly hôn với anh Phùng Ngọc T. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Phùng Quốc B, sinh ngày 10/7/2015 và cháu Phùng Ngọc Tuệ N, sinh ngày 24/7/2019. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quốc B và cháu Tuệ N. Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T phải có trách Nhiệm cấp dưỡng cho con. Hiện chị L đang làm việc tại Công ty cổ phần IBS Nhân Lực, địa chỉ: Số 21 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Chị làm trưởng phòng, mức lương trung bình là 35 triệu đồng/tháng. Trường hợp chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung thì chị hoàn toàn có đủ điều kiện để có thể mua nhà hoặc có chỗ ở ổn định cho các con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Phùng Ngọc T trình bày: Anh và chị Trần Thị L trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày ngày 21/4/2015 tại UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Thực tế vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, anh T đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L đề nghị ly hôn đối với anh thì anh không đồng ý vì các con, không muốn gia đình tan vỡ ảnh hưởng tới các con. Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Phùng Quốc B, sinh ngày 10/7/2015 và cháu Phùng Ngọc Tuệ N, sinh ngày 24/7/2019. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng đối với chị L. Hiện anh đang làm việc tại Công ty cổ phần thực phẩm Trung Nguyên, địa chỉ: Số 93 Phương Canh, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, mức lương trung bình là 12 triệu/tháng. Hiện tại anh làm việc tại Công ty được khoảng 01 tháng nên không cung cấp được bảng lương thu nhập hàng tháng cho Toà án được. Hiện tại anh có nhà ở tại: Tổ dân phố 12 Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phùng Ngọc T. Chị L xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Phùng Ngọc T xác định bản thân cũng đã cố gắng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con chung nhưng chị L vẫn xin ly hôn, không có ý thức xây dựng gia đình thì anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung, anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Phùng Ngọc T. Về con chung: đề nghị giao cháu Phùng Quốc B và cháu Phùng Ngọc Tuệ N cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có quyết định khác. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, Bị đơn có nơi cư trú tại quận Nam Từ Liêm do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 21/4/2015 tại UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho Tòa án và các tài liệu Tòa án xác minh tại nơi cư trú của chị L và anh T, có đủ cơ sở để xác định: Vợ chồng chị L và anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh T bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L xác định hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống được. Anh T xác định bản thân cũng đã cố gắng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con chung nhưng chị L vẫn xin ly hôn, không có ý thức xây dựng gia đình thì anh cũng nhất trí ly hôn. Tòa án cũng đã hòa giải Nếu

lần nhưng chị L cương quyết xin ly hôn. Xét thấy: chị L và anh T đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, không hòa giải được, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T có 02 con chung là cháu Phùng Quốc B, sinh ngày 10/7/2015 và cháu Phùng Ngọc Tuệ N, sinh ngày 24/7/2019. Chị L hiện đang công tác tại Công ty cổ phần IBS Nhân Lực, địa chỉ: Số 21 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, chị L đã cung cấp cho Toà án xác nhận lương và thu nhập trung bình là: 35.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị L đã cung cấp cho Toà án chỗ ở mới sau khi ly hôn. Anh T khai hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần thực phẩm Trung Nguyên, địa chỉ: Số 93 Phương Canh, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, mức lương trung bình là 12 triệu/tháng nhưng chưa cung cấp được xác nhận mức lương và thu nhập do anh mới làm việc tại Công ty được khoảng 01 tháng. Anh T có cung cấp được hiện anh có nguồn thu nhập từ thuê phòng trọ trung bình khoảng 7.500.000 đồng/ tháng. Hiện anh T có nhà ở tại: Tổ dân phố 12 Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và ở cùng bố mẹ.

Tòa án đã tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em là Phòng Lao động, thương binh và xã hội quận Nam Từ Liêm có ý kiến: *do cháu Phùng Quốc B đã trên 7 tuổi, việc ở với ai là quyền của cháu. Cháu Phùng Quốc B có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Trần Thị L nên việc giao cháu Phùng Quốc B cho chị Trần Thị L nuôi là phù hợp. Cháu Phùng Ngọc Tuệ N, là cháu gái và còn nhỏ nên việc giao cháu Phùng Ngọc Tuệ N cho mẹ là chị Trần Thị L nuôi để đảm B việc phát triển về tâm sinh lý của cháu là phù hợp.*

Xét thấy: về công việc, thu nhập và chỗ ở chị L và anh T đều có đủ điều kiện chăm sóc con, có thể đảm B việc nuôi dạy con sau khi ly hôn. Toà án đã ghi ý kiến của cháu Phùng Quốc B, cháu B đã trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ là chị Trần Thị L nên việc giao cháu B cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Phùng Ngọc Tuệ N là cháu gái và còn nhỏ nên giao cháu Tuệ N cho chị L nuôi để đảm B việc phát triển tâm sinh lý của cháu là phù hợp. Do vậy, giao cháu Quốc B và cháu Tuệ N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm B quyền lợi về mọi mặt cho các cháu không bị thay đổi, xáo trộn cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có quyết định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] *Về án phí:* Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83, 110, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các điều 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L, cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phùng Ngọc T.

- Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T có 02 con chung là cháu Phùng Quốc B, sinh ngày 10/7/2015 và cháu Phùng Ngọc Tuệ N, sinh ngày 24/7/2019. Giao cháu Phùng Quốc B và cháu Phùng Ngọc Tuệ N cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phùng Ngọc T cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh Phùng Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số: BLTU/23 - 0027722 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị L đã nộp đủ án phí.

- Chị Trần Thị L và anh Phùng Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để ghi vào sổ hộ tịch (số 34, quyển số 01/2015 ngày 21/4/2015);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Trung Lập